TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LƯ** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 12-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Thọ

Ông Nguyễn Van Luận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2020/TLST-HS ngày 27/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2020/QĐXXST- HS ngày 17/12/2020 và Quyết định hoãn phiên toa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 30/12/2020 đối với bị cáo:

Hồ Dương P, sinh năm 1995, tại huyện H, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Hữu T và bà Đinh Thị N; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2020 đến ngày 30/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Dũng H, sinh năm 1995, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

2. Anh Lương Thế V, sinh năm 1996, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1997, trú tại: thôn P, xã Ninh V, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

4. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 2000, trú tại: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1999, trú tại: thôn D, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Trung H3, sinh năm 1995, trú tại: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

7. Anh Hoàng Mậu T1, sinh năm 1996, trú tại: thôn V, xã Ninh V, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

8. Anh Hoàng Duy T2, sinh năm 1995, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

9. Anh Lương Văn T3, sinh năm 1994, trú tại: thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1995, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

11. Anh Hoàng Mậu T4, sinh năm 2000, trú tại: thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

12. Anh Đinh Văn T5, sinh năm 1996, trú tại: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

13. Anh Hoàng Mậu D, sinh năm 2001, trú tại: thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1995, trú tại: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Hồ Hữu Th. Vắng mặt.

Người chứng kiến: 1. Anh Lê Đức Ng, vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị K, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Dương P là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng. Khoảng đầu năm 2020, Phi đã cho một số người trên cùng địa bàn xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình vay tiền. Những người đến vay tiền của Hồ Dương P đều không phải cầm cố thế chấp tài sản gì, chỉ thỏa thuận bằng miệng với mức lãi xuất là 5.000 đồng/1 triệu/1ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) hoặc 6.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương đương với mức lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) hoặc 7.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương đương mức lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,77 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). P và người vay thỏa thuận thanh toán tiền lãi theo tháng, quy ước 01 tháng là 30 ngày, nếu thời gian vay không đủ tháng thì P sẽ tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày vay tiền cho đến ngày trả lãi, không ấn định ngày trả số tiền vay gốc. Đến ngày trả lãi mà người vay không trả được thì thống nhất số tiền lãi sẽ cộng vào tiền gốc để tính lãi tiếp theo. Toàn bộ tên người vay, số tiền vay, mức lãi suất, số tiền còn nợ lại P đều lưu giữ ở phần ứng dụng ghi chú trong điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng của P, cài đặt mật khẩu là "200595". Khi đến tháng trả lãi P sẽ đến nhà người vay tiền để lấy tiền lãi hoặc người vay tiền đến nhà P để thanh toán lãi. Khoảng từ tháng 01/2020 đến ngày 21/8/2020, Hồ Dương P đã cho 14 người vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Lê Dũng H, sinh năm 1995 trú tại thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình:

Ngày 10/06/2020, Hồ Dương P cho anh Lê Dũng H vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/01triệu/01 ngày. Đến ngày 30/7/2020 (tương đương 50 ngày), P đã thu tiền lãi của H là 2.500.000 đồng. (số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (sau đây gọi tắt là số tiền lãi trong mức quy định) là 273.973 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (sau đây gọi tắt là số tiền lãi vượt quá) là 2.226.027 đồng). H chưa trả cho P số tiền gốc.

2. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Lương Thế V, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã N, huyện H, Ninh Bình.

Ngày 19/3/2020, Hồ Dương P cho anh Lương Thế V vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. V đã trả tiền lãi cho P đến ngày 19/4/2020 (tương đương 30 ngày) là 1.500.000 đồng. Số tiền lãi phát sinh đến ngày 19/6/2020 (tương đương 60 ngày) là 3.000.000 đồng, V và P thống nhất cộng vào tiền gốc tính tiếp từ ngày 19/6/2020 là 13.000.000 đồng. Đến ngày 19/7/2020 (tương đương 30 ngày), số tiền lãi phát sinh là 1.950.000 đồng, hai bên thống nhất tính tròn là 2.000.000 đồng cộng tiếp vào tiền gốc vay tính từ ngày 19/7/2020 là 15.000.000 đồng.

Như vậy, P đã cho V vay số tiền gốc thực tế là 10.000.000 đồng, đã nhận tiền lãi của V là 1.500.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.335.616 đồng). V chưa trả tiền gốc cho P.

3. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã N, huyện H, Ninh Bình.

Ngày 14/3/2020, Hồ Dương P cho anh Nguyễn Minh T vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đồng/1triệu/1ngày. Đến ngày 14/7/2020 (tương đương 120 ngày), T đã trả tiền lãi cho P là 6.000.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 657.534 đồng, số tiền lãi vượt quá là 5.342.466 đồng). T chưa trả cho P số tiền gốc 10.000.000 đồng.

4. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Vũ Văn H1, sinh năm 2000, ở thôn H, xã N, huyên H.

Ngày 13/3/2020, Hồ Dương P cho anh Vũ Văn H1 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 13/5/2020, H1 vay tiếp 7.000.000 đồng và thống nhất với P số tiền lãi kể từ khi vay đến ngày 13/5/2020 (tương đương 60 ngày) là 3.000.000 đồng cộng vào tiền gốc tính từ ngày 13/5/2020 là 20.000.000 đồng. Đến ngày 13/7/2020 (tương đương 60 ngày) H1 đã trả tiền lãi cho P là 6.000.000 đồng.

Như vậy, P đã hai lần nhận tiền lãi của H1: Lần thứ nhất là 3.000.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 328.767 đồng, số tiền lãi vượt quá là 2.671.233 đồng). Lần thứ hai là 6.000.000 đồng, số tiền lãi trong mức quy định là 657.534 đồng, số tiền lãi vượt quá là 5.342.466 đồng). Tổng số tiền lãi trong mức quy định là 986.301 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá là 8.013.699 đồng. Số tiền vay gốc 20.000.000 đồng, H1 chưa trả cho P.

5. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Nguyễn Văn H2 sinh năm 1999 trú tại thôn D, xã N, huyện H.

Ngày 20/4/2020, Hồ Dương P cho anh Nguyễn Văn H2 vay số tiền 7.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 28/4/2020, P lại tiếp tục cho anh H2 vay số tiền 8.000.000 đồng, hai bên thống nhất cộng số tiền gốc của hai lần vay là 15.000.000 đồng bắt đầu tính lãi từ ngày 28/4/2020 với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, quy ước ngày 28 là ngày trả lãi hàng tháng. H2 đã trả tiền lãi đến ngày 28/4/2020 (tương đương 9 ngày) là 315.000 đồng. Sau đó, H2 đã trả lãi cho P đến ngày 25/7/2020 (tương đương 87 ngày) là 6.500.000 đồng.

Như vậy, P đã hai lần nhận tiền lãi của H2: lần thứ nhất là 315.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 34.520 đồng, số tiền lãi vượt quá là 280.480 đồng). Lần thứ hai là 6.500.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 715.068 đồng, số tiền lãi vượt quá là 5.784.932 đồng). Tổng số tiền lãi trong mức quy định là 749.589 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá là 6.065.411 đồng. Số tiền vay gốc 15.000.000 đồng, H2 chưa trả cho P.

6. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Nguyễn Trung H3 sinh năm 1995, trú tại thôn H, xã N, huyện H.

Ngày 30/4/2020, Hồ Dương P cho anh Nguyễn Trung H3 vay số tiền 11.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 30/5/2020 (tương đương 30 ngày), H3 đã thanh toán tiền lãi cho P là 1.650.000 đồng. Đến ngày 25/7/2020 (tương đương 55 ngày), tiền lãi là 3.000.000 đồng, hai bên thống nhất cộng vào tiền gốc tính tiếp từ ngày 30/7/2020 là 14.000.000 đồng.

Như vậy, P đã cho H3 vay số tiền gốc thực tế là 11.000.000 đồng và đã nhận số tiền lãi là 1.650.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 180.822 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.469.178 đồng). H3 chưa trả cho P số tiền gốc.

7. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Hoàng Mậu T1 sinh năm 1996, trú tại thôn V, xã N, huyện H.

Ngày 28/01/2020, Hồ Dương P cho anh Hoàng Mậu T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 28/6/2020 (tương đương 150 ngày), T1 đã trả cho P số tiền lãi là 5.250.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 410.959 đồng, số tiền lãi vượt quá là 4.839.041 đồng). T1 chưa trả cho P số tiền gốc.

8. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Hoàng Duy T2 sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã N, huyện H, Ninh Bình.

Lần thứ nhất: Ngày 07/01/2020, Hồ Dương P cho anh Hoàng Duy T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 30/7/2020 (tương đương 202 ngày), T2 đã thanh toán tiền lãi cho P với số tiền 5.050.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 553.425 đồng, số tiền lãi vượt quá là 4.496.575 đồng).

Lần thứ hai: Ngày 10/3/2020, T2 tiếp tục vay P số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 10/8/2020 (tương đương 150 ngày), T2 đã trả lãi cho P với số tiền là 3.750.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 410.959 đồng, số tiền lãi vượt quá là 3.339.041 đồng).

Như vậy, P đã nhận tổng số tiền lãi trong mức quy định là 964.384 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá là 7.835.616 đồng. T2 chưa trả cho P số tiền gốc 10.000.000 đồng.

9. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Lương Văn T3 sinh năm 1994, trú tại thôn X, xã N, huyện H, Ninh Bình.

Ngày 14/02/2020, Hồ Dương P cho anh Lương Văn T3 vay số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 14/6/2020, T3 đã trả số tiền lãi phát sinh cho P là 4.000.000 đồng. Ngày 14/7/2020, T3 và P thống nhất cộng số tiền lãi phát sinh là 1.000.000 đồng vào tiền gốc tính tiếp từ ngày 14/7/2020 là 6.000.000 đồng.

Như vậy, P đã cho T3 vay số tiền gốc thực tế là 5.000.000 đồng, đã nhận số tiền lãi là 4.000.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 312.329 đồng, số tiền lãi vượt quá là 3.687.671 đồng). T3 chưa trả cho P số tiền gốc vay.

10. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Nguyễn Ngọc H4 sinh năm 1995 ở thôn T, xã N, huyện H, Ninh Bình.

Ngày 06/5/2020, Hồ Dương P cho anh Nguyễn Ngọc H4 vay số tiền 15.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 06/8/2020 (tương đương 90 ngày), H4 đã trả tiền lãi cho P là 6.750.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 739.726 đồng, số tiền lãi vượt mức là 6.010.274 đồng). H4 chưa trả tiền gốc cho P.

11. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Hoàng Mậu T4 sinh 29/6/ 2000 ở thôn V, xã N, huyện H, Ninh Bình.

Ngày 19/3/2020, Hồ Dương P cho anh Hoàng Mậu T4 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến 19/4/2020, T4 tiếp tục vay P số tiền 5.000.000 đồng, P cắt tiền lãi 900.000 đồng (tiền lãi tính đến ngày 19/4/2020 T4 chưa trả cho P) và đưa thêm 4.100.000 đồng cho T4. Số tiền gốc tính từ 19/4/2020 là 10.000.000 đồng. Đến ngày 19/5/2020, số tiền lãi phát sinh là 1.800.000 đồng, T4 đã trả cho P 800.000 đồng còn 1.000.000 đồng tiền lãi cộng vào tiền gốc tính tiếp từ ngày 19/5/2020 là 11.000.000 đồng. Tiền lãi phát sinh mỗi tháng tính từ ngày 19/5/2020 là 1.980.000 đồng, thống nhất làm tròn là 2.000.000 đồng, cộng vào tiền gốc tính tiếp từ ngày 19/6/2020 là 13.000.000 đồng. Tiền lãi mỗi tháng tính từ ngày 19/6/2020 là 2.340.000 đồng, hai bên thống nhất ghi nợ 2.000.000 đồng vào tiền gốc vay là 15.000.000 đồng tính từ ngày 19/7/2020.

Như vậy, thực tế P đã cho T4 vay tổng số tiền gốc là 10 triệu đồng và tổng số tiền lãi T4 đã trả cho phi là 1.700.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 154.425 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.545.575 đồng). T4 chưa trả cho P số tiền gốc.

12. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Đinh Văn T5 sinh năm 1996, trú tại thôn H, xã N, huyện H.

Ngày 22/4/2020, Hồ Dương P cho anh Đinh Văn T5 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 22/7/2020 (tương đương 90 ngày), T5 đã trả tiền lãi cho P là 4.500.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 493.151 đồng, số tiền lãi vượt quá là 4.006.849 đồng). Số tiền gốc 10.000.000 đồng, T5 chưa trả cho P.

13. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Hoàng Mậu D sinh năm 2001 ở thôn P, xã N, huyện H.

Ngày 23/4/2020, Hồ Dương P cho anh Hoàng Mậu D vay số tiền 7.000.000 đồng, với mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 23/6/2020 (tương đương 60 ngày), D đã trả tiền lãi cho P là 2.940.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 230.137 đồng, số tiền lãi vượt quá là 2.709.863 đồng). Số tiền gốc 7.000.000 đồng, D chưa trả cho P.

14. Giao dịch giữa Hồ Dương P với anh Nguyễn Đình C sinh năm 1995 ở thôn H, xã N, huyện H.

Ngày 23/6/2020, Hồ Dương P cho anh Nguyễn Đình C vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 23/7/2020 (tương đương 30 ngày), C đã trả tiền lãi cho P là 1.500.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 164.384 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.335.616 đồng). C chưa trả cho P số tiền gốc.

Sau khi nhận được tin báo, Công an huyện Hoa Lư đã triệu tập Hồ Dương P đến làm việc, P đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Iphone 8 plus màu trắng lắp sim số 0333549135, mật khẩu đăng nhập là "200595". Tiến hành kiểm tra điện thoại, cơ quan điều tra phát hiện một bản ghi chú cập nhật lúc 00 giờ 23 phút, ngày 21/8/2020.

Tại Bản kết luận giám định số 125/KLGĐ-PC09-KTS&ĐT ngày 21/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, kết luận: "*Chụp được 02 ảnh trong mục "ghi chú" liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trong điện thoại di động gửi giám định*". Kèm theo Kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 01 trang A4.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Hồ Dương P tại thôn T, xã N, huyện H thu giữ trong loa để trên nóc tủ trong phòng ngủ của Hồ Dương P và anh Hồ Hữu Th là em trai của P số tiền 7.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền 7.000.000 đồng thuộc sở hữu của anh Hồ Hữu Th - em trai của P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư đã trả cho anh Th.

Quá trình điều tra, bị can Hồ Dương P đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngày 30/10/2020, P tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Số tiền 10.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu trắng lắp sim số 0333549135 thu giữ của Phi được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư quản lý.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 26/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư kết luận bị cáo cho 14 người có tên nêu trên vay tổng số tiền gốc là 162.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 69.004.175 đồng và truy tố bị cáo về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 70 đến 90 triệu đồng; Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự (viết tắt là BLTTHS), Điều 47 của BLHS, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo; buộc bị cáo phải nộp lại ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi trong mức quy định mà bị cáo đã nhận từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 6.482.098 đồng; buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá đã nhận cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 56.422.902 đồng (cụ thể: anh H là 2.226.027 đồng, anh V là 1.335.616 đồng, anh T là 5.342.466 đồng, anh H1 là 8.013.699 đồng, anh H2 là 6.065.411 đồng, anh H3 là 1.469.178 đồng, anh Mậu T1 là 4.839.041 đồng, anh Duy T2 là 7.835.616 đồng, anh T3 là 3.687.671 đồng, anh Ngọc H4 là 6.010.274 đồng, anh Mậu T4 là 1.545.575 đồng, anh T5 là 4.006.849 đồng, anh D là 2.709.863 đồng, anh C là 1.335.616 đồng); buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo với tổng số tiền là **148.000.000** đồng (cụ thể: anh H là 10.000.000 đồng, anh V là 10.000.000 đồng, anh T là 10.000.000 đồng, anh H1 là

20.000.000 đồng, anh H2 là 15.000.000 đồng, anh H3 là 11.000.000 đồng, anh Mậu T1 là 5.000.000 đồng, anh Duy T2 là 10.000.000 đồng, anh T3 là 5.000.000 đồng, anh Ngọc H4 là 15.000.000 đồng, anh Mậu T4 là 10.000.000 đồng, anh T5 là 10.000.000 đồng, anh D là 7.000.000 đồng, anh C là 10.000.000 đồng). Tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000 đồng bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án. Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi nêu trên, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoa Lư, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến 21/8/2020, tại địa bàn xã N, huyện H, bị cáo đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay tiền với mức lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 182,5 %/năm, gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự, hoặc mức lãi suất là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 219%/năm), gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự hoặc mức lãi suất 7.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 255,5%), gấp 12,77 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. (Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "… Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác ...".

Tổng số tiền gốc theo thỏa thuận trong các giao dịch giữa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 162.000.000 đồng và tổng số tiền lãi phát sinh từ các thỏa thuận này là 76.905.000 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế tổng số tiền gốc những người đi vay nhận được từ bị cáo là 148.000.000 đồng và bị cáo đã thu được tổng số tiền lãi là 62.905.000 đồng (trong đó tổng số tiền lãi trong

mức quy định là 6.482.098 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá là 56.422.902 đồng). Như vậy, cần xác định số tiền 56.422.902 đồng là số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính.

Bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, 3 Điều 201 BLHS. Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 201 BLHS là đúng quy định. Tuy nhiên, Cáo trạng của Viện Kiểm sát xác định bị cáo thu lợi bất chính 69.004.175 đồng là chưa chính xác.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là lao động tự do, có mức thu nhập bình thường tại địa phương, đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo và tình hình tài sản, khả năng thi hành án của người phạm tội, xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc 148.000.000 đồng bị cáo đã sử dụng để cho vay lãi nặng là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền gốc này những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo nên cần buộc những người này phải nộp lại ngân sách nhà nước tương ứng với số tiền gốc đã thực nhận từ bị cáo như đã nêu trên.

Đối với số tiền lãi trong mức quy định (20%/năm) là 6.482.098 đồng bị cáo đã thu của người vay là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/ năm là 56.422.902 đồng, bị cáo đã thu trái pháp luật từ người vay do đó buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tương ứng với số tiền lãi vượt quá đã nhận từ họ.

Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền 7.000.000 đồng thu giữ trong phòng ngủ của bị cáo và em trai bị cáo (Hồ Hữu Th) xác định là tiền của anh Th nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Th là đúng quy định. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Nguyễn Đức X và Nguyễn Hữu S đều trú tại xã N, huyện Hoa Lư vay tiền của P với lãi suất cao. Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư đã nhiều lần triệu tập nhưng X và S không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến X và S để tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra, Hồ Dương P khai nhận cho anh Hoàng Ngọc Z sinh ngày 04/9/2002, trú tại thôn V, xã N, huyện H, Ninh Bình vay số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày nhưng P không nhớ thời gian vay, việc vay mượn không có ai khác biết, hiện Z còn nợ P số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Hoàng Ngọc Z khai vay tiền của P từ tháng 9/2019, nhưng không tính lãi suất. Đến ngày 10/8/2020, Z trả cho P 3.500.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 1.500.000 đồng tiền gốc. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất giữa Z và P nhưng chưa đủ căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự đối với lần cho vay này của P.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra xác định Hồ Dương P còn cho anh Đinh Văn L, anh Bùi Văn L1, anh Lê Gi, anh Phạm Tiến Đ, anh Hoàng M, anh Nguyễn Đình Tr đều trú tại xã N, huyện H, vay tiền với lãi suất cao. Nhưng kể từ khi vay tiền đến ngày P bị bắt, anh L, anh L1, anh Gi, anh Đ, anh M, anh Tr chưa trả khoản tiền lãi nào cho P nên P chưa được hưởng lợi đối với khoản vay của những người vay tiền trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Hồ Dương P phạm tội cho vay lãi nặng.

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo 60.000.000 *(sáu mươi triệu)* đồng.

2. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 8 plus của bị cáo;

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 6.482.098 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau: anh Lê Dũng H là 2.226.027 đồng, anh Lương Thế V là 1.335.616 đồng, anh Nguyễn Minh T là 5.342.466 đồng, anh Vũ Văn H1 là 8.013.699 đồng, anh Nguyễn Văn H2 là 6.065.411 đồng, anh Nguyễn Trung H3 là 1.469.178 đồng, anh Hoàng Mậu T1 là 4.839.041 đồng, anh Hoàng Duy T2 là 7.835.616 đồng, anh Lương Văn T3 là 3.687.671 đồng, anh Nguyễn Ngọc H4 là 6.010.274 đồng, anh Hoàng Mậu T4 là 1.545.575 đồng, anh Đinh Văn T5 là 4.006.849 đồng, anh Hoàng Mậu D là 2.709.863 đồng, anh Nguyễn Đình C là 1.335.616 đồng;

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo cụ thể như sau: anh Lê Dũng H là 10.000.000 đồng, anh Lương Thế V là 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Minh T là 10.000.000 đồng, anh Vũ Văn H1 là 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H2 là 15.000.000 đồng, anh Nguyễn Trung H3 là 11.000.000 đồng, anh Hoàng Mậu T1 là 5.000.000 đồng, anh Hoàng Duy T2 là 10.000.000 đồng, anh Lương Văn T3 là 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Ngọc H4 là 15.000.000 đồng, anh Hoàng Mậu T4 là 10.000.000 đồng, anh Đinh Văn T5 là 10.000.000 đồng, anh Hoàng Mậu D là 7.000.000 đồng, anh Nguyễn Đình C là 10.000.000 đồng.

Tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

(Số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo nộp và chiếc điện thoại nêu trên được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư theo Ủy nhiệm chi ngày 27/11/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hoa Lư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
-VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh